

Chủ trương thực hiện cách mạng ruộng đất của Đảng trong những năm 1945-1956

Lê Thị Quỳnh Nga*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 1 tháng 4 năm 2009

Tóm tắt. Bài viết tập trung khai thác nội dung các chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề ruộng đất và phương thức tiến hành cải cách ruộng đất ở Việt Nam từ 1945 đến 1956. Trên cơ sở đó các giai đoạn nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tình hình ruộng đất và phương thức đem lại ruộng đất cho nông dân cũng được làm rõ. Qua nghiên cứu, bài viết làm rõ hai giai đoạn nhận thức và nhấn mạnh quan điểm khác nhau của Đảng qua các giai đoạn này. Trong những năm 1945-1953, trên cơ sở nhận thức đúng đắn yêu cầu của thực tiễn Việt Nam khi cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc đang diễn ra và phân tích rõ quan hệ giai cấp của các tầng lớp, giai cấp trong xã hội Việt Nam trong thời điểm này, Đảng đã đề ra phương thức tiến hành cải cách ruộng đất độc đáo, theo một đường lối riêng biệt của Việt Nam - **phương thức cải cách ruộng đất từng bước**. Do đó, nội dung chính sách ruộng đất chủ yếu tập trung vào việc giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng đất công, tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian chia cho nông dân nghèo... và mang lại nhiều thành quả to lớn. Sang giai đoạn 1953-1956 những kinh nghiệm đúng đắn, sáng tạo của các thời kỳ đầu về thi hành chính sách ruộng đất từng bước, dần dần thực hiện nhiều cải cách nhỏ, gộp lại như một cuộc cách mạng lớn về vấn đề ruộng đất đã không được tiếp tục thực hiện. Do vậy, việc đề ra chủ trương cải cách ruộng đất và quá trình thực hiện đã phạm sai lầm ngay từ năm 1953 và càng về sau càng nặng nề và nghiêm trọng, đẩy thành một cuộc đấu tranh gay gắt, không cần thiết trong nông thôn. Đó là một sai lầm về phương thức thực thi chiến lược cách mạng ruộng đất ở Việt Nam.

Trong bối cảnh xã hội thuộc địa, nơi mà quyền lợi dân tộc luôn phải đặt cao hơn quyền lợi giai cấp, các chính sách chỉ đạo để thực hiện “người cày có ruộng” luôn phải nằm trong hệ thống chính sách giải quyết nhiệm vụ dân tộc của Đảng. Giải phóng dân tộc được xác định là mục tiêu cao nhất thì nhiệm vụ dân chủ không chỉ là mục tiêu mà còn trở thành động lực mạnh

mẽ cho bước phát triển của cách mạng giải phóng dân tộc. Giai đoạn 1945 - 1956 dưới tác động của nhiều nhân tố cả về chủ quan và khách quan, sự chi phối của điều kiện trong nước và quốc tế Đảng có những quan điểm khác nhau trong việc giải quyết vấn đề ruộng đất cho dân cày.

*ĐT.: 84-983935765.

E-mail: ngalyling@yahoo.com

1. Cải cách từng phần - phương thức tiến hành “cách mạng thổ địa” theo đường lối riêng biệt của Việt Nam

Thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã mang lại độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam. Đúng như lời tuyên ngôn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước toàn thể quốc dân đồng bào và thế giới rằng: “*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy*” [1].

Tuy nhiên, trước dã tâm quay lại xâm lược của thực dân Pháp, dân tộc Việt Nam phải tiếp tục đứng lên bảo vệ quyền làm chủ đất nước, với quyết tâm “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” [2, tr.480].

Hoàn cảnh đất nước khi đó chưa cho phép cách mạng Việt Nam giải quyết triệt để vấn đề ruộng đất. Chính sách ruộng đất, khẩu hiệu “người cày có ruộng” phải được thực hiện trong phạm vi vừa đảm bảo giữ vững khối đại đoàn kết dân tộc, cô lập tối đa kẻ thù, tạo nên sức mạnh to lớn nhất cho kháng chiến thắng lợi, vừa mang lại quyền lợi chính đáng cho nông dân, động viên họ tích cực tham gia kháng chiến, kiến quốc. Trong điều kiện đó, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã chủ trương tiến hành các chính sách cải cách dân chủ từng phần về ruộng đất, nhằm từng bước hạn chế sự bóc lột của thực dân, phong kiến, cải thiện điều kiện sống cho nông dân.

Ngay từ sau ngày độc lập, để giảm bớt mức độ bóc lột đối với nông dân, Nhà nước đã ra nhiều văn bản quy định về giảm địa tô. Ngày 13-11-1945, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Bắc Bộ đã có *Thông Tư số 55VP* quy định phải “Giảm 1/4 mức địa tô đối với tá điền và các người cấy rẽ, cấy thuê”. Ngày 20-11-1945 Bộ Nội vụ của

Chính phủ lâm thời đã ra Thông tư quy định chủ ruộng phải giảm 25% địa tô và giảm 20% thuế điền thổ; đề ra một số nguyên tắc chia lại ruộng đất công cho cả nam và nữ, tạm giao ruộng đất vắng chủ cho một bộ phận nông dân thiếu ruộng, đồng thời chi thị cho chính quyền các cấp phải công bố Thông tư đó cho mọi người thi hành [3, tr.86]. Khi Liên bộ Nội vụ - Canh nông ra Thông tư về giảm tô là 25% so với mức địa tô trước Cách mạng tháng Tám cho người lĩnh canh, ngày 28-11-1946 [4, tr.101]. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư tới các điền chủ, nhấn mạnh ý nghĩa của chủ trương này: “Giảm địa tô 25% đã công bình và lợi cho cả điền chủ và nông dân, thì không có lẽ gì mà sinh mối chia rẽ” [5, tr.262]. Chủ trương đó đã bảo đảm lợi ích cho cả “người có của” và “người có công”.

Ngày 15-1-1948, Hội nghị Trung ương Đảng mở rộng lần thứ II đã quyết định “đem ruộng đất và tài sản của bọn phản quốc tạm cấp cho dân cày nghèo, hoặc giao cho bộ đội cày cấy để tự cấp phần nào. Chia lại công điền cho hợp lý và công bằng hơn. Đem ruộng đất đồn điền của địch cấp cho dân nghèo, chấn chỉnh các đồn điền do chính phủ quản lý” [6, tr.31-32]. Cách thức sử dụng ruộng đất tịch thu của thực dân Pháp và Việt gian được xác định cụ thể hơn trong Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ IV (5/1948). Theo đó, nội dung căn bản là: Tịch thu ruộng đất và tài sản của Việt gian (đưa ra toà án tuyên bố rõ ràng), ruộng đất thì chia cho dân cày cấy, còn tài sản thì tùy từng trường hợp cấp cho dân cày; những đồn điền tịch thu của Pháp giao cho Chính phủ tạm thời quản lý; thành lập ở mỗi đồn điền một Ban quản trị có trách nhiệm phân phối ruộng cho dân, giúp đỡ kế hoạch cho dân cày cấy....

Tháng 8-1948, Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị cán bộ lần thứ V. Từ những đánh giá xác đáng về dân cày và địa chủ phong kiến, về bối cảnh và tính chất của cuộc cách mạng dân

chủ mới ở Việt Nam, Hội nghị đã đi đến kết luận: “*Muốn xoá bỏ những tàn tích phong kiến, phát triển nông nghiệp, phải cải cách ruộng đất*”. Song, xuất phát từ đặc điểm của cách mạng ở nước ta, về thái độ của giai cấp phong kiến trong cách mạng, Hội nghị đã chủ trương “*Dùng phương pháp cải cách dần dần mà thu hẹp phạm vi bóc lột của địa chủ phong kiến bán xứ (ví dụ: giảm tô), đồng thời sửa đổi chế độ ruộng đất (trong phạm vi không có hại cho mặt trận thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược)*”. “*Đó cũng là một cách ta thực hiện cách mạng thổ địa bằng một đường lối riêng biệt*” [7, tr.199] (TG nhấn mạnh).

Quyết định phương thức tiến hành cải cách ruộng đất từng phần như trên của Đảng không chỉ kế thừa mà còn phát triển kinh nghiệm giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa vấn đề chống đế quốc và chống phong kiến trong những năm vận động giải phóng dân tộc trước Cách mạng tháng Tám. Hoàn cảnh, điều kiện mới đã quy định phương thức cải cách ruộng đất của riêng Việt Nam. Trước hết, đó là sự bùng nổ của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc chống thực dân Pháp, bảo vệ nền độc lập dân tộc. Đồng thời, sau Cách mạng tháng Tám, chính quyền đã về tay nhân dân, chế độ cộng hoà dân chủ ở Việt Nam đã thành lập với một Hiến pháp dân chủ công bằng của toàn dân. Nhà nước dân tộc dân chủ mới là của chung các tầng lớp nhân dân kháng chiến, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện. Hơn nữa, phong trào cách mạng trên thế giới đang phát triển mạnh, tác động đến cách mạng Đông Dương.

Tuy nhiên, trước quyết định trên của Trung ương, trong Đảng đã diễn ra nhiều những tranh luận khá sôi nổi. “Có đồng chí nói, cách mạng Đông Dương chỉ là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Vì trong hai nhiệm vụ phản đế và phản phong kiến nói trên, ta phải tập trung hết sức lực mà làm xong nhiệm vụ phản đế,

đánh đuổi đế quốc Pháp đã” [7, tr.198]. Trước ý kiến như vậy, Trung ương Đảng đã giải thích rõ: “Cố nhiên phải tập trung mọi lực lượng làm cho xong nhiệm vụ phản đế, nhưng nhiệm vụ phản phong kiến (bãi trừ những tàn tích bóc lột phong kiến và cải cách ruộng đất) không phải hoàn toàn gác lại sau khi đã làm xong nhiệm vụ phản đế rồi mới tính đến. Lúc này cách mạng dân chủ mới Đông Dương đâu có thể chia đứt ra làm hai khúc đứt khoát, rãnh mạch như thế được. Cách mạng tháng Tám đã tịch thu không bồi thường một phần ruộng đất của thực dân Pháp và của Việt gian. Một phần ruộng đất tịch thu đó cần và có thể đem chia cho dân cày nghèo. Trong quá trình kháng chiến, việc tịch thu, không bồi thường ruộng đất của thực dân và của bọn phản quốc vẫn phải tiếp tục. Ruộng đất của bọn chúng tịch thu đến đâu, có thể giao cấp cho dân cày đến đó chứ” [7, tr.198-199]. Trung ương cũng nêu: “Nhớ rằng giảm tô, giảm tức, tạm cấp ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cũng là bắt đầu cải cách ruộng đất một phần nào rồi” [8, tr.132]. Bên cạnh đó, có những ý kiến ngược lại cho rằng muốn tịch thu ngay ruộng đất của địa chủ, chia cho dân cày. Trung ương nhấn mạnh: “Chủ trương đó quá tả. Nó coi thường chính sách đại đoàn kết kháng chiến của Đảng và của Chính phủ, muốn vượt bỏ giai đoạn, đặt hai nhiệm vụ phản đế và phản phong kiến ngang nhau” [8, tr.132].

Rõ ràng, trong khi tiến hành kháng chiến, Trung ương Đảng không chủ trương gác lại khẩu hiệu “người cày có ruộng”, đồng thời cũng không chỉ thị đánh đổ toàn bộ giai cấp địa chủ mà quyết định xoá bỏ sự chiếm đoạt ruộng đất của đế quốc, tư bản Pháp và những kẻ phản quốc, thu hẹp phạm vi bóc lột và sửa đổi chế độ sở hữu ruộng đất của phong kiến bán xứ, từng bước đưa lại ruộng đất cho nông dân không có ruộng hoặc ít ruộng, vừa đáp ứng một phần nhu cầu ruộng đất cho nông dân vừa đảm bảo khối đại đoàn kết toàn dân kháng chiến.

Thế chế hoá chủ trương trên đây của Đảng, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nghiên cứu và ban hành nhiều sắc lệnh quan trọng. Ngày 14-7-1949, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 78/SL quy định giảm 25% mức địa tô đã thu trước Cách mạng tháng Tám. Sắc lệnh số 87/SL về giảm tức và Sắc lệnh số 88/SL ngày 22-5-1950 quy định thể lệ lĩnh canh. Đồng thời, Chính phủ cũng ban hành Sắc lệnh số 75/SL, ngày 1-7-1949 tạm cấp ruộng đất của Việt gian cho nông dân nghèo; Sắc lệnh số 90/SL, ngày 22-5-1950 về quyền lợi khi sử dụng ruộng đất bỏ hoang... Việc ra đời các sắc lệnh và nhiều văn bản pháp lý khác từ 1948 đến 1952⁽¹⁾ về ruộng đất của Chính phủ và việc thành lập Hội đồng giảm tô, giảm tức cấp tỉnh, Ban giảm tô, giảm tức cấp xã đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc thi hành nghiêm túc và triệt để hơn chủ trương giảm tô, giảm tức của Trung ương Đảng.

Đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (tháng 2/1951), nhận thức của Đảng về tiến trình tiến lên xã hội chủ nghĩa và thực thi như thế nào cuộc cách mạng ruộng đất ở Việt Nam đã phát triển vượt bậc. Xuất phát từ quan điểm "*Con đường từ nay đến chủ nghĩa xã hội là một con đường khó khăn và dài. Không thể giạng chân ra mà bước một bước không lồ để đến ngay chủ nghĩa xã hội. Phải bước nhiều bước, chia thành nhiều độ mà đi*", Đại hội II cho rằng về đại thể cách mạng Việt Nam sẽ phát triển qua ba giai đoạn. *Giai đoạn thứ nhất* có nhiệm vụ trung tâm đánh đổ đế quốc thực dân, giành độc lập cho dân tộc. Đảng chủ trương tập hợp mọi lực lượng dân tộc thành lập mặt trận dân tộc thống nhất. Trong giai đoạn này, tư sản dân tộc và cả một phần địa chủ cũng tham gia hoặc ủng hộ kháng chiến. *Giai đoạn thứ hai*, nhiệm vụ giải phóng dân tộc căn bản đã hoàn thành,

trung tâm của cách mạng chuyển sang cải cách ruộng đất, triệt để thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng", phát triển hợp tác xã nông nghiệp, tiến hành công nghiệp hoá, phát triển kinh tế nhà nước. Trong giai đoạn này, những thân sĩ tiến bộ và tư sản dân tộc nói chung vẫn tham gia cách mạng. *Giai đoạn thứ 3*, phải tập trung đẩy mạnh công nghiệp hoá, phát triển công nghiệp nặng, thúc đẩy kinh tế nhà nước, củng cố cơ sở cho chủ nghĩa xã hội. Ba giai đoạn đó kế tục một cách mật thiết, nhiệm vụ của giai đoạn thứ hai, tức thực hiện cách mạng ruộng đất được thực hiện *một phần nào* ngay trong giai đoạn thứ nhất, nhưng mỗi giai đoạn có nhiệm vụ trọng tâm của nó. Không thể đem nhiệm vụ trung tâm, trước mắt của giai đoạn nọ làm nhiệm vụ trung tâm trước mắt của giai đoạn kia.

Do đặc điểm nước ta bị đế quốc xâm lược, hơn nữa nền kinh tế lạc hậu, công nghiệp không phát triển, muốn nhanh chóng phát triển công nghiệp, xoá bỏ các di tích phong kiến thì phải khuyến khích tư sản dân tộc kinh doanh và giúp đỡ họ phát triển trong một thời gian khá lâu dài. Không thể nói đến cải tạo xã hội, xoá bỏ mọi hình thức bóc lột ngay được. Đó là nguyên nhân chính ta phải qua ba giai đoạn mới đạt tới xã hội chủ nghĩa. Có ý kiến cho rằng ta chỉ cần qua hai giai đoạn cũng đạt tới chủ nghĩa xã hội, trong đó giai đoạn thứ nhất là giai đoạn cách mạng dân chủ tư sản, vừa hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, vừa thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng", còn giai đoạn thứ hai là giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đó chúng ta thực hiện chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện cụ thể của nước ta quan điểm đó cũng không đúng.

Nếu cho rằng nhiệm vụ giải phóng dân tộc và nhiệm vụ cách mạng ruộng đất cũng thực hiện trong một giai đoạn thì dẫn đến khuynh hướng coi hai nhiệm vụ đó ngang nhau, sẽ không tập trung được lực lượng dân tộc để hoàn

⁽¹⁾ Thống kê bước đầu cho thấy, từ năm 1948-1949, Chính phủ đã ban hành 38 Sắc lệnh và các văn bản pháp lý khác nhau liên quan đến vấn đề ruộng đất nói chung.

thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc trước, và chỉ có thể bài trừ được một phần nhỏ những di tích phong kiến như giám tô, giám tức... Quyết không thể thực hiện hẳn hoi khẩu hiệu người cày có ruộng cùng với nhiệm vụ đánh đổ đế quốc xâm lược. Vì thế, “đánh đổ đế quốc xâm lược là một chiến lược, nằm trong một giai đoạn chiến lược. Thủ tiêu mọi di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện người cày có ruộng lại là một chiến lược khác, nằm trong một giai đoạn chiến lược khác” [8, tr.92] (TG nhấn mạnh)

Quan điểm nêu trên đã đưa đến những phân tích xác đáng của Đại hội II về vấn đề trọng tâm của cách mạng Việt Nam hiện thời là thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc. Cuộc cách mạng đó phải khơi dậy được nguồn lực dân tộc, phải đoàn kết được toàn dân tập trung đánh đổ kẻ thù chính là thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ, đối tượng phụ là bọn phong kiến phản động (không phải là toàn bộ giai cấp địa chủ phong kiến). Trong khuôn khổ của cuộc cách mạng giải phóng, một phần nhiệm vụ của cách mạng ruộng đất cũng được thực hiện, nhằm thúc đẩy công cuộc giải phóng dân tộc mau thắng lợi. Do vậy, chính sách ruộng đất trong kháng chiến được đề ra, chủ yếu thực hiện giảm tô, giảm tức, đồng thời thi hành những cải cách nông nghiệp khác như quy định chế độ lĩnh canh, tạm cấp ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cho dân cày nghèo, chia lại công điền, sử dụng hợp lý ruộng vắng chủ và ruộng bỏ hoang, khuyến khích hiến điền, thu thuế nông nghiệp v.v... “Mục đích trước mắt của chính sách này là làm cho nông dân phần khởi tăng gia sản xuất, hăng hái tham gia giết giặc, bảo đảm cung cấp và đoàn kết toàn dân để kháng chiến.” [9, tr.439-440] Đến khi kháng chiến thành công, trọng tâm của cách mạng sẽ chuyển từ nhiệm vụ giải phóng dân tộc sang nhiệm vụ xóa bỏ di tích phong kiến và nửa phong kiến. Khẩu hiệu “người cày có ruộng” trong phạm vi toàn quốc sẽ được triệt để thi hành.

Để tập trung mọi lực lượng cho kháng chiến, quan điểm của Đảng là không được tịch thu ngay ruộng đất của địa chủ vì “trong từng lớp địa chủ nước ta còn có khả năng phân để một phần nào, Đảng chủ trương kéo một phần lớn địa chủ (tiểu và trung địa chủ) về phe kháng chiến hay ít nhất làm cho họ trung lập và có thiện cảm đối với kháng chiến” [8, tr.132]. Đảng thừa nhận quyền công dân, quyền có của của địa chủ không phân quốc, không đụng đến quyền sở hữu ruộng đất của họ, thừa nhận quyền hưởng công điền của họ.

Theo tinh thần nêu trên, chính sách của Trung ương Đảng và Chính phủ đối với giai cấp địa chủ trong kháng chiến chủ yếu tập trung vận động họ nghiêm túc giảm tô, giảm tức, làm giấy giao kèo để thực hiện nghiêm chỉnh quy chế lĩnh canh đối với tá điền, cấm chủ ruộng vô cớ đòi lại ruộng, xóa bỏ địa tô phụ, xóa bỏ chế độ quá điền, phát động phong trào hiến ruộng theo nguyên tắc tự nguyện... Tại Nam Bộ nhiều điền chủ, nhân sĩ đã hiến hàng ngàn hecta để chính quyền cách mạng chia cho nông dân. Cao Triều Phát (Bạc Liêu) hiến 5.000 hecta, Huỳnh Thiện Lộc (Rạch Giá) hiến 5.000 hecta, Nguyễn Ngọc Tương (Bến Tre) hiến 100 hecta. Ở tỉnh Rạch Giá số ruộng được hiến là 2.785 hecta, ở Cần Thơ có 50.000 hecta, ở Bạc Liêu có 8.263 hecta... [10, tr.198]. Đến năm 1953 nông dân Nam Bộ được chính quyền cách mạng chia 460.000 hecta và đến năm 1954, toàn Nam Bộ đã chia cho nông dân được 573.940 hecta. Nam Bộ đã được giải quyết về cơ bản vấn đề ruộng đất thông qua vận động địa chủ hiến điền, tạm giao, tạm cấp ruộng đất.

Cho đến năm 1952, Đảng lại một lần nữa khẳng định: “chính sách ruộng đất của ta hiện nay là chính sách ruộng đất của Mặt trận dân tộc thống nhất kháng chiến, hay cụ thể là chính sách một mặt địa chủ phải giảm tô, giảm tức và một mặt tá điền phải trả tô, trả tức. Mục đích của chính sách ruộng đất của ta hiện nay là đoàn kết dân tộc để kháng chiến trong toàn

quốc; cô lập họn đế quốc xâm lược và bè lũ tay sai của chúng để diệt chúng; đồng thời giảm nhẹ bóc lột phong kiến và làm yếu thế lực phong kiến, để cải thiện đời sống cho nông dân, khuyến khích sản xuất” [11, tr.119]. Bên cạnh việc giảm tô, giảm tức, từ năm 1951 trở đi, việc áp dụng chính sách đánh thuế nông nghiệp lũy tiến, tập trung thu thuế đối với lực lượng sở hữu lớn về ruộng đất, cũng đã góp phần làm suy yếu thế lực địa chủ phong kiến và phạm vi ảnh hưởng của giai cấp địa chủ.

Như vậy, chủ trương chung của Đảng trong kháng chiến là chưa đánh đổ giai cấp địa chủ, chưa tịch thu ruộng đất của họ vì chính sách đại đoàn kết dân tộc, cô lập tối đa kẻ thù, đảm bảo xây dựng lực lượng toàn dân chống lại thực dân Pháp. Do nhận thức sâu sắc tinh thần “*Dân tộc trên hết*” “*Tổ quốc trên hết*” nên Đảng đã chủ trương dùng phương pháp cải cách từng bước để thu hẹp dần dần phạm vi bóc lột của địa chủ phong kiến bàn xử qua các hình thức giảm tô, giảm tức, hiến điền, chia lại ruộng đất công, chia ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian, ruộng đất vắng chủ v.v... Trong tiến trình kháng chiến chống Pháp, phương thức cải cách ruộng đất nêu trên đã tỏ rõ tính khả thi và mang lại hiệu quả to lớn.

Tính từ liên khu IV trở ra, đến năm 1953 đã có 397.000 hecta ruộng đất được giảm tô 25%. Ở miền Tây Nam Bộ có nơi mức tô được giảm cao hơn nhiều. Ruộng đất đem chia cho nông dân lao động chiếm một diện tích rất lớn. Theo số liệu thống kê của 3.035 xã ở miền Bắc trước khi cải cách ruộng đất, từ năm 1945 đến 1953, ruộng đất đã tịch thu của thực dân Pháp chia cho nông dân là 26,8 ngàn hecta; ruộng đất của địa chủ được đem chia cho nông dân là 156,6 ngàn hecta; ruộng đất của nhà chung đem chia cho nông dân là 3,2 ngàn hecta; ruộng đất công và nửa công được chia là 289,3 ngàn hecta. Cho đến đầu năm 1953, Chính phủ đã tịch thu được 81,3% ruộng đất của thực dân Pháp chia cho

dân cày nghèo; đã chia lại 77,8% ruộng đất công trong nông thôn và tạm thời chia cho nông dân 84,7% ruộng đất đã tịch thu của địa chủ và Việt gian cho nông dân. So với tổng số ruộng đất chia cho nông dân đến khi hoàn thành cải cách ruộng đất kể cả sửa sai, thì số ruộng đất chia cho nông dân từ năm 1945 đến năm 1953 chiếm 58,8%. Riêng ở Nam Bộ, cho đến năm 1953 chính quyền cách mạng đã chia cho nông dân 460 ngàn ha ruộng đất của thực dân Pháp và những địa chủ phản bội Tổ quốc. [12;tr.63]

Thống kê ở 3.035 xã ở miền Bắc cũng cho thấy quyền sở hữu ruộng đất của các giai cấp đến năm 1953 đã có nhiều những thay đổi lớn:

Bảng 1. Chuyển biến tình hình giai cấp và sở hữu ruộng đất ở 3.035 xã miền Bắc đến trước cải cách ruộng đất (1953)

Thành phần	Tỷ lệ dân số (%)	Tỷ lệ ruộng đất sở hữu (%)
Địa chủ	2,3	18
Phú nông	1,6	4,7
Trung nông	36,5	39
Bần nông	43	25,4
Cổ nông	13	6,3
Các thành phần khác	6	1
Ruộng công và bán công		4,3
Ruộng nhà chung		1,3

Nguồn: Tổng cục Thống kê [12, tr.64]

Trước năm 1945, địa chủ chiếm 3% dân số nhưng chiếm hữu 52,1% tổng số ruộng đất. Song đến năm 1953 địa chủ chiếm 2,3% dân số và ruộng đất chiếm hữu chỉ còn 18% tổng số ruộng đất. Nông dân lao động (gồm trung nông, bần nông và cổ nông) chiếm 92,5% dân số, đã được làm chủ 70,7% tổng số ruộng đất [12, tr.64]. Kết quả cụ thể ở các địa phương càng minh chứng cho sự thay đổi căn bản bức tranh sở hữu ruộng đất. Ở Thái Nguyên, cho đến trước 1953 địa chủ chỉ còn chiếm khoảng 3,2% dân số và 21,6% ruộng đất. Nông dân lao động (gồm cả trung, bần và cổ nông) chiếm 91,37

dân số, đã làm chủ gần 80% tổng số ruộng đất [13, tr.102]. Thống kê ở 39 xã của tỉnh Thanh Hóa, nếu như trước năm 1945, địa chủ chiếm 3,1% dân số và chiếm hữu 30% tổng số ruộng đất, đến đầu năm 1953 số hộ địa chủ đã giảm xuống còn 2,1% và chỉ còn trong tay 11,3% ruộng đất. Trong khi đó các tầng lớp nhân dân lao động chiếm 97,9% số hộ và sở hữu 88,7% ruộng đất [14, tr.38-58].

Xuất phát từ sự nhận thức đúng đắn đặc điểm xã hội Việt Nam, Đảng Lao động Việt Nam đã khéo léo đề ra một phương thức riêng, độc đáo để thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng” trong tiến trình kháng chiến chống Pháp. Trên cơ sở đó, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cũng đã vận dụng luật pháp để bước đầu thực hiện các nhiệm vụ cách mạng dân chủ, sử dụng pháp luật trong việc giải quyết ruộng đất cho nông dân. Những cuộc cải cách nhỏ được thực hiện từng bước, gộp lại thành một cuộc cách mạng lớn, mang lại hiệu quả cao. Thành quả đó đã minh chứng chủ trương tiến hành cải cách ruộng đất từng phần, theo một *đường lối cách mạng riêng biệt của Việt Nam* là độc đáo, đúng đắn và sáng tạo. Đường lối đó, trước hết đã tạo ra được mối dung hòa lợi ích giữa các giai cấp trên cơ sở vì lợi ích chung của cả dân tộc. Nó cho phép Đảng ta giải quyết một cách khéo léo mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến trên cơ sở những điều kiện lịch sử cụ thể. Theo cách riêng của mình, Việt Nam vừa giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân, phát huy tinh thần kháng chiến của nông dân - lực lượng lớn nhất trong xã hội, vừa tập hợp được đông đảo mọi tầng lớp nhân dân, kể cả địa chủ đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến.

2. Phóng tay phát động quần chúng triệt để giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất

Bước sang năm 1953, tình hình kháng chiến của quân dân Việt Nam có nhiều biến chuyển

lớn. Vùng tự do của ta mở rộng và tương đối ổn định, quân đội ta đã giữ vững và phát huy thế chủ động chiến lược tiến công trên toàn chiến trường. Sự chuyển biến của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở giai đoạn cuối đòi hỏi chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến ngày càng trở nên cấp thiết. Để đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi cuối cùng nhất thiết phải huy động hơn nữa lực lượng nhân dân mà nông dân chiếm đa số. Điều đó đòi hỏi Đảng và Nhà nước Việt Nam phải đẩy mạnh hơn nữa việc bồi dưỡng lực lượng nông dân. Cũng trong thời gian này, các nước Liên Xô, Trung Quốc cũng góp ý kiến với Đảng và Nhà nước Việt Nam về việc chúng ta chậm làm cách mạng thổ địa; Trung Quốc hứa sẽ chia sẻ kinh nghiệm với Việt Nam về phát động quần chúng cải cách ruộng đất⁽²⁾.

Trong bối cảnh đó, Hội nghị Trung ương Đảng họp lần thứ IV (1/1953) đã kiểm điểm chính sách ruộng đất của Đảng trong những năm kháng chiến và nhận định rằng chúng ta chưa kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ phân để và nhiệm vụ phân phong, chính sách ruộng đất chưa được thi hành đầy đủ và kịp thời. Hội nghị đi đến kết luận “Việc giảm tô, giảm tức dù có làm triệt để đi nữa cũng không thể bồi dưỡng nông dân đúng mức, không thoả mãn được yêu cầu của nông dân, làm cho nông dân quyết tâm hy sinh cho sự nghiệp kháng chiến. Vậy đã đến lúc, vấn đề cải cách ruộng đất phải được đề ra và giải quyết kịp thời, đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi. Không thể bỏ trống khuôn khổ chính sách giảm tô, giảm tức” [15, tr.52]. Tiếp đó, Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương khoá II và Hội nghị toàn quốc lần thứ I của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày

⁽²⁾ Đầu năm 1950, trong một cuộc gặp gỡ giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Stalin tại Mát-xcơ-va, Stalin hỏi Hồ Chí Minh “giữa ghề nông dân và ghề địa chủ, người cách mạng Việt Nam ngồi ghề nào?” Dẫn theo Võ Nguyên Giáp, *Chiến đấu trong vòng vây*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995, tr.412.

23/11/1953 một lần nữa khẳng định sự cần thiết tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện triệt để khẩu hiệu “người cày có ruộng” và thông qua *Cương lĩnh ruộng đất* của Đảng. Tháng 12/1953, *Luật Cải cách ruộng đất* đã được Quốc hội chính thức thông qua. Theo đó, cải cách ruộng đất nhằm:

“Thủ tiêu quyền chiếm hữu ruộng đất của thực dân Pháp và của đế quốc xâm lược khác ở Việt Nam, xoá bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ.

Để thực hiện chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân.

Để giải phóng sức sản xuất ở nông thôn, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và mở đường cho công thương nghiệp phát triển.

Để cải thiện đời sống của nông dân, bồi dưỡng lực lượng của nhân dân, lực lượng của kháng chiến.

Để đẩy mạnh kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, củng cố chế độ dân chủ nhân dân, phát triển công cuộc kiến quốc”[16, tr.11].

Thực hiện cải cách ruộng đất dựa trên đường lối chính sách chung: dựa hẳn vào bản cổ nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp phú nông, tiêu diệt chế độ bóc lột phong kiến từng bước và có phân biệt, để phát triển sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến. Đường lối trên đã thể hiện rõ quan điểm, thái độ của Đảng đối với từng giai cấp, tầng lớp ở nông thôn.

Như vậy đến năm 1953 Đảng đã có sự thay đổi về chủ trương, chính sách thực hiện cách mạng ruộng đất. Từ chủ trương xoá bỏ chiếm hữu ruộng đất của đế quốc thực dân Pháp và những phần tử phản bội Tổ quốc, thu hẹp dần chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ đến chủ trương tiến hành cải cách ruộng đất, xoá bỏ toàn bộ giai cấp địa chủ phong kiến Việt Nam, chia hẳn ruộng đất cho dân cày.

Trên thực tế, theo tình hình phân bố ruộng đất cụ thể ở nông thôn bấy giờ, giai cấp địa chủ

Việt Nam đã suy yếu hẳn về tiềm lực kinh tế, về địa vị chính trị ở nông thôn sau những cải cách dân chủ 1945-1952. Cuộc phát động quần chúng triệt để thực hiện giảm tô, giảm tức, đợt thi điểm và đợt một đã thu hút hàng triệu đồng bào tham gia đã khiến cho giai cấp địa chủ càng hoang mang lo sợ và phân hoá cao độ. Đợt thi điểm và đợt một cải cách ruộng đất diễn ra trong khi quân đội nhân dân Việt Nam đang dốc sức cho cuộc quyết chiến chiến lược với kẻ thù, tạo nên kỳ tích ở Điện Biên Phủ. Trên thực tế, việc thực hiện chủ trương triệt để giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất vào giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến đã góp phần thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân và dân ta, tích cực chi viện cho chiến trường trong Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ. Những thắng lợi quân sự của Việt Nam trong thời điểm này phản ánh của quá trình vừa kháng chiến vừa kiến quốc; vừa chiến đấu, vừa xây dựng hậu phương; của cả quá trình thực hiện chính sách ruộng đất từng bước ở nông thôn trước năm 1953.

Như vậy, có thể khẳng định, để tiến thêm một bước trong việc xoá bỏ sự chiếm hữu ruộng đất bất công của địa chủ, nhằm tăng cường hơn nữa sở hữu ruộng đất cho nông dân, bồi dưỡng lực lượng chính cho cuộc kháng chiến, phát triển sản xuất, chi viện cho chiến trường thì việc tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động cách mạng ruộng đất là cần thiết. Song, xét về thực tế tình hình phân bố ruộng đất cụ thể ở nông thôn lúc bấy giờ và vấn đề đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn cao của cuộc kháng chiến thì không nhất thiết phải phải phòng tay phát động quần chúng triệt để giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất như đã làm. Kinh nghiệm đúng đắn, sáng tạo của các thời kỳ đầu về thi hành chính sách ruộng đất từng bước, tiến hành nhiều cải cách nhỏ, gộp lại như một cuộc cách mạng lớn để giải quyết vấn đề ruộng đất đã không được tiếp tục áp dụng. Thực tế cho thấy, việc sử

dụng phương pháp “phóng tay phát động quần chúng triệt để giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất” từ năm 1953 trở đi, đó là một sai lầm về phương thức thực thi chiến lược cách mạng ruộng đất, không phù hợp với điều kiện xã hội Việt Nam lúc bấy giờ. Do vậy, việc đề ra chủ trương cải cách ruộng đất và quá trình thực hiện đã phạm sai lầm ngay từ đầu và càng về sau càng nặng nề và nghiêm trọng.

Sau hiệp định Giơnevơ, miền Bắc được giải phóng. Với quan niệm cải cách ruộng đất trước đây đã là khâu chính để ta phát triển lực lượng, đẩy mạnh kháng chiến thì cải cách ruộng đất lại càng cần thiết để phát triển lực lượng, củng cố hoà bình, Đảng chủ trương đẩy mạnh phát động quần chúng triệt để giảm tô, giảm tức, cải cách ruộng đất hơn nữa, coi cải cách ruộng đất là nhiệm vụ trung tâm để củng cố miền Bắc. Điều này đồng nghĩa với việc tập trung mũi nhọn đấu tranh vào giai cấp địa chủ đã suy tàn. Chủ trương này được thực thi ngày càng mở rộng đã góp phần làm cho những sai lầm của cải cách ruộng đất ngày một trở nên nghiêm trọng.

Cải cách ruộng đất được tiến hành từ 1953 đến 1956 với 8 đợt giảm tô và 5 đợt cải cách ruộng đất trên 3.314 xã (sau chia nhỏ thành 3.653 xã) thuộc 22 tỉnh, thành phố. Qua đó, 810.000 ha ruộng đất của thực dân, địa chủ phong kiến, ruộng đất tôn giáo, ruộng đất công và nửa công nửa tư ở miền Bắc đã bị tịch thu, trưng thu, trưng mua và đã được chia cho hơn 8 triệu nhân khẩu tức 72,8% số nông hộ. Ngoài ra còn 1,8 triệu nông cụ, hơn 10 vạn trâu bò, hàng vạn nhà cửa cũng được đem chia cho nông dân. Sau cải cách ruộng đất, giai cấp địa chủ đã bị xóa bỏ hoàn toàn, ruộng đất đã thuộc về tay nông dân. Nhiệm vụ “người cày có ruộng” đã hoàn thành ở miền Bắc.

Từ 1945 đến 1953, Đảng, Chính phủ ta đã thực hiện nhiều biện pháp để thực thi cách mạng ruộng đất ở Việt Nam. Chính sách ruộng đất của Đảng trong từng thời kỳ trước 1953 có

khác nhau, nhưng đều tựu chung lại ở một điểm: chính sách đó một mặt biểu hiện đường lối đại đoàn kết dân tộc, phân hoá giai cấp địa chủ, tranh thủ tất cả các phần tử có thể tranh thủ đứng về phía dân tộc chống kẻ thù chủ yếu nhất là đế quốc xâm lược, một mặt cũng biểu hiện không tách rời nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc với nhiệm vụ xoá bỏ sở hữu ruộng đất phong kiến đưa ruộng đất về tay nông dân. Điểm mạnh của hệ thống chính sách ruộng đất của thời kỳ 1945 - 1953 là vừa đảm bảo chính sách đại đoàn kết dân tộc, cô lập tối đa kẻ thù tạo nên sức mạnh rộng lớn nhất bảo đảm cho kháng chiến thắng lợi, vừa giải quyết được quyền lợi chính đáng của giai cấp nông dân là có tư liệu sản xuất trong tay, động viên họ tích cực tham gia kháng chiến, phát huy tính tích cực, chủ động của họ, tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Đáng tiếc, hệ thống chính sách ruộng đất những năm 1953 - 1956 lại không phát huy được những ưu điểm trên. Cải cách ruộng đất trong những năm 1953 - 1956 thực sự đã trở thành một cuộc đấu tranh giai cấp giằng co, gay go và quyết liệt, gây tổn thất nặng nề đến khối đại đoàn kết toàn dân. Quan điểm vừa đẩy mạnh kháng chiến vừa đẩy mạnh thực hiện cải cách ruộng đất ngay trong kháng chiến, trên thực tế là quay trở lại với quan điểm tổ chức thực hành song song cách mạng thổ địa và cách mạng phản đế được đề ra trong Luận cương tháng 10 năm 1930 của Đảng.

Nhìn thẳng vào những sai phạm trong cải cách ruộng đất, Hội nghị lần thứ X Ban Chấp hành Trung ương Đảng (họp từ tháng 9 đến tháng 11/1956) nhận định: “Đó là những sai lầm nghiêm trọng, phổ biến, kéo dài về nhiều mặt, những sai lầm về những vấn đề nguyên tắc, trái với chính sách của Đảng, trái với nguyên tắc và điều lệ của một Đảng theo chủ nghĩa Mác-Lênin, trái với chế độ pháp luật của nhà nước dân chủ nhân dân. Những sai lầm đó không những đã hạn chế những thắng lợi đã thu

được, mà lại gây ra những tổn thất rất lớn cho cơ sở của Đảng, của chính quyền, của các tổ chức quần chúng, ảnh hưởng tai hại đến chính sách mặt trận của Đảng ở nông thôn cũng như ở thành thị, ảnh hưởng nhiều đến tinh thần đoàn kết và phấn khởi trong Đảng và trong nhân dân, đến công cuộc củng cố miền Bắc, đến sự nghiệp đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà” [17, tr.539-540]. Hội nghị đã thẳng thắn vạch ra những sai lầm, phân tích những nguyên nhân và gọi đúng tên những sai lầm là tả khuynh. Trên cơ sở đó, Hội nghị đưa ra những biện pháp hữu hiệu và kiên quyết sửa sai. Một biểu hiện trước tiên của tinh thần nhìn thẳng, dũng cảm sửa chữa sai lầm là thi hành hiện pháp kỷ luật đối với một số đồng chí trong cải cách ruộng đất⁽¹⁾.

Chủ trương cải cách ruộng đất trong những năm 1953-1956 như đã làm ngay từ đầu là không cần thiết. Sai lầm đó không chỉ là do nhận thức chưa sâu sắc về hai nhiệm vụ của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta mà còn vì Đảng đã đánh giá tình hình nông thôn miền Bắc không được toàn diện, nhất là đã đánh giá “địch” quá cao và nhấn mạnh một cách thái quá về tình hình nghiêm trọng do “địch” gây ra mà cụ thể ở đây là giai cấp địa chủ đang ở thế suy tàn.

Đánh giá khái quát về cải cách ruộng đất, Bộ Chính trị cho rằng: “Căn cứ trên những kết quả đạt được và căn cứ vào hai nhiệm vụ chiến lược của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, thì việc tiếp tục giải quyết vấn đề ruộng đất, xoá bỏ những tàn dư của chế độ phong kiến là cần thiết.

Căn cứ tình hình thực tế nông thôn miền Bắc nước ta sau năm 1954, căn cứ vào số ruộng chia cho nông dân trong cải cách ruộng đất, căn

cứ tác hại rất nghiêm trọng của sai lầm cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, thì cách thức tiến hành cải cách ruộng đất như đã làm là không cần thiết. Đó là vì trước khi tổ chức cải cách ruộng đất, giai cấp địa chủ, chế độ phong kiến đã căn bản đã bị xoá bỏ và mục tiêu người cày có ruộng đã căn bản thực hiện với tỷ lệ hơn 2/3 ruộng đất đã vào tay nông dân, với quyền làm chủ của nông dân trong nông thôn đã được thực hiện từ cách mạng tháng Tám đến kháng chiến chống Pháp” [19, tr.72].

Có thể thấy, quá trình thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng” ở Việt Nam là quá trình diễn ra tương đối phức tạp và kéo dài do đặc điểm của cách mạng lúc bấy giờ. Đường lối chính sách chi đạo thực hiện của Đảng đối với vấn đề thực hiện quyền sở hữu ruộng đất cho nông dân chịu tác động của nhiều nhân tố: tác động của hoàn cảnh trong nước và tác động từ nhân tố ngoài nước, đặc biệt là phương pháp tư duy của cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước. Tất cả phụ thuộc vào sự phân tích, đánh giá của Đảng về tình hình thực tiễn, phụ thuộc vào tư duy, năng lực nhận thức đúng đắn của Đảng trong việc giải quyết các nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, *Báo Cứu quốc*, số 36, ngày 5-9-1945.
- [2] *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4 (1945-1946), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
- [3] *Việt Nam dân quốc công báo*, số 10, năm 1945.
- [4] *Hồ sơ tổng kết 1000 ngày kháng chiến của các bộ khối kinh tế*, hồ sơ 1683, phỏng Phù Thủ tướng, TTLTQG III.
- [5] Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết Hội nghị Trung ương mở rộng, ngày 15, 16, 17-1-1948.

⁽¹⁾ Theo Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 10 Trường Chinh từ chức Tổng Bí thư; Hồ Việt Thắng đưa ra khỏi Ban Chấp hành Trung ương, thôi giữ chức thường trực Đảng uỷ ban CCRĐ Trung ương; Lê Văn Lương thôi phụ trách Ban Tổ chức Trung ương, đưa ra khỏi Bộ Chính trị và Ban Bí thư. (Văn kiện Đảng toàn tập, tập 117, sđd, tr 574-577)

- Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 9 (1948), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam, Chúng ta chiến đấu cho độc lập và dân chủ (Báo cáo đọc ở Hội nghị cán bộ lần thứ V, từ 8-8 đến 16-8-1948), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 9 (1948), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
- [8] Đảng Cộng sản Việt Nam, Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội (Luận cương cách mạng Việt Nam do đồng chí Trường Chinh đọc tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 12 (1951), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính cương Đảng lao động Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 12 (1951), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
- [10] Đồng chí Lê Duẩn nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2007.
- [11] Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính sách ruộng đất của ta hiện nay và cuộc vận động giảm tô giảm tức, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 13 (1952), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
- [12] Tổng cục Thống kê, Việt Nam con số và sự kiện (1945-1989), NXB Sự Thật, Hà Nội, 1990.
- [13] Nguyễn Duy Tiến, *Quá trình thực hiện sở hữu ruộng đất cho nông dân ở Thái Nguyên*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
- [14] *Hồ sơ tổng kết cải cách ruộng đất tỉnh Thanh Hóa*, Hồ sơ 84, Lưu trữ UBND tỉnh Thanh Hóa.
- [15] Đảng Cộng sản Việt Nam, Báo cáo của Tổng Bí thư Trường Chinh tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa 2), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 14 (1953), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
- [16] Luật Cải cách ruộng đất, *Khoá họp thứ ba của Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà*, Quốc hội nước Việt Nam xuất bản, 1954.
- [17] Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 10 mở rộng về công tác cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 17 (1956), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
- [18] Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 2 (1954-1975), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.

The Vietnam communist party's policy of land revolution pierod of 1945-1956

Le Thi Quynh Nga

*College of Social Sciences and Humanities, VNU
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

This article concentrates on analyzing Vietnam Communist Party's mainly some policies of land revolution from 1945 to 1956. That policies are divided two periods. One of them from 1945 to 1953 and one of other 1953-1956. The first period, the Vietnam Communist Party issued **the piecemeal agrarian reform**, was successful in Vietnam from 1945 to 1953 with its special land policy. The results that were up to before land reform, up to 1953 there were 58,3% total land of Frenchmen, Traitors, communal land to peasant.

However, from 1953-1956, the land policy had pushed up rapidly with carrying out mass mobilization. The class struggle line was implemented. That its purpose was "politically, it had to

smash power s landlord, economically, to weaken feudal's economy". The special characters of society and revolution that were not paid attention. After the August revolution 1945, bureaucratic feudal party of the landlord were overthrown. Reactionary and big landlord run into occupied areas. Many of them (especially, smalland medium landlord) had submitted and supported to new administration. Futhermore, the process of carrying out the land policy from 1945 to 1953, addition in agrarian income tax that made landlord's economy was declined many. Aside, political and economic factor, there was social factor. Receiving rare traditional unit of ancestor, there were many landlord and their childrens ho had taken part in the resistant against foreign aggressosses to seize independent for nation.

Because of too hostly to implement land reform and have many leftist errors in the policy and in practice that made limit to develope national traditional unity and did not make full use of landlord's supports in both polity and economy to build new administration.